

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HSST

Ngày 17- 09-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tòng.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Hồng Thiêm;

2. Bà Vũ Thị Thúy.

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 08 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 09 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Hồng P1, sinh năm 1979; Nơi sinh: Huyện Đ1, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Lê Hải T3 (đã chết); họ tên mẹ: Lê Thị X1 (đã chết); họ tên vợ: Tạ Thị M1; có 02 con (Con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: không. Danh chỉ bản số 135 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 18- 06- 2020. Bị tạm giữ từ ngày 17- 06- 2020; bị tạm giam từ ngày 20- 06- 2020; hiện bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ thuộc Công an huyện Thái Thụy; trích xuất, có mặt.

**Bị hại:**-Bà Vũ Thị L2, sinh năm 1944; Nơi cư trú: Thôn L1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

**-Cụ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1927; Nơi cư trú: Thôn L1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.**

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Đồng Văn C1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số nhà xxx, tổ Dân phố số xxx, thị trấn D1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

**Người làm chứng:**

-Chị Tạ Thị M1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn L1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình- Là vợ bị cáo. Có mặt.

-Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn T3, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Anh Nguyễn Xuân Đ2, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn L2, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Bà Vũ Thị N3, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn L1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Bà Phí Thị M2, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn L1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tháng 4, tháng 5 năm 2020, bị cáo P1 đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản tại thôn L1, xã T1. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Hồi 08 giờ ngày 10- 04- 2020, bị cáo đến vườn nhà bà L2 ở cùng thôn để nhặt củi. Trong khi nhặt củi, bị cáo quan sát thấy cửa nhà bà không đóng, nhìn vào trong thấy phía dưới ban thờ có kê tủ gỗ. Với ý định trộm cắp tài sản, lợi dụng bà L2 đang nhặt củi nên bị cáo đi vào trong nhà, đến bên tủ gỗ, mở ra thấy có chiếc hộp bằng kim loại. Bị cáo mở nắp hộp thấy trong hộp có một túi vải màu đen; mở miệng túi vải và tìm thấy 01 (một) dây chuyền vàng, 01 (một) nhẫn vàng (dạng nhẫn tròn trơn) đựng trong 01 hộp nhựa hình trái tim màu hồng. Bị cáo trộm cắp sợi dây chuyền vàng, nhẫn vàng; còn các vật khác cất vào tủ, đóng lại rồi đi ra vườn nhặt củi. Ngày hôm sau, bị cáo bán số tài sản trộm cắp cho cửa hàng vàng bạc C2 với giá 13.260.000đồng, đã chi tiêu hết. Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐG ngày 22- 07- 2020, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thái Thụy đã kết luận: 01 dây chuyền bằng vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ giá 8.750.000đồng; 01 chiếc nhẫn trơn bằng vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ giá 4.375.000đồng; cộng 13.125.000đồng.

Vụ thứ hai: Hồi 13 giờ ngày 24- 05- 2020, trong khi đi làm bị cáo đã vào nhà cụ N1 ở cùng thôn để xin nước uống; khi ngồi uống nước, bị cáo quan sát thấy có chiếc túi vải màu đen trong chiếc túi áo đặt trong chiếc gối trên giường ngủ. Với ý định trộm cắp tài sản, lợi dụng khi cụ N1 đi ra sân phơi chăn, bị cáo đi đến bên giường lấy chiếc áo ra khỏi gối rồi lấy túi ra vải ra khỏi túi áo. Khi mở miệng túi vải, thấy có nhiều tờ tiền có nhiều loại mệnh giá khác nhau nên bị cáo lấy các loại tiền có mệnh giá 500.000đồng, 200.000đồng và 100.000đồng. Các tờ tiền có mệnh giá nhỏ hơn thì bị cáo cho vào túi vải rồi cho vào túi áo rồi ra ghế ngồi uống nước. Khi cụ N1 vào nhà, bị cáo chào cụ rồi tiếp tục đi làm. Khi về nhà, bị cáo đếm được 2.600.000đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, 03 tờ mệnh giá 200.000đồng và 10 tờ có mệnh giá 100.000đồng). Bị cáo đã chi tiêu hết số tiền này.

Ngày 03- 06- 2020, bị cáo đã tự nguyện bồi thường 14.700.000đồng (tương

đương 03 chỉ vàng 9999) cho bà L2; bồi thường 2.600.000đồng cho cụ N1. Đến ngày 17- 06- 2020 bị cáo đến Công an xã T1 trình báo.

Các chứng cứ chứng minh : Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú; Các biên bản khám nghiệm hiện trường; Các sơ đồ hiện trường; Kết luận định giá tài sản; Đơn trình báo và lời khai bị hại là bà L2, cụ N1; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Ngày 10- 04- 2020, trong khi nhặt củi tại vườn nhà bà L2 ở cùng thôn; bị cáo đã lợi dụng khi bà L2 không để ý, cửa nhà bà lại không đóng nên đã lén vào nhà bà lục tìm trong tủ, đã trộm cắp 01 (một) dây chuyền vàng, 01 (một) nhẫn vàng đựng trong 01 hộp nhựa để trong tủ gỗ. Hôm sau, bị cáo đem sợi dây chuyền và nhẫn vàng đến cửa hàng vàng bạc C2 bán được 13.260.000đồng. Ngày 24- 05- 2020, trong khi ngồi uống nước tại nhà cụ N1 ở cùng thôn, bị cáo đã lợi dụng khi cụ N1 đi ra ngoài mà trộm cắp số tiền 2.600.000đồng của cụ để trong túi vải cất trong túi áo để trong gối trên giường. Bị cáo đã sử dụng hết toàn bộ số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Đến ngày 03- 06- 2020, bị cáo đến gặp bị hại để xin lỗi; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho hai bị hại. Ngày 17- 06- 2020, bị cáo đến Công an xã T1 trình báo sự việc.

Bị hại là bà L2 trình bày: Sáng ngày 10- 04- 2020, bà gọi bị cáo vào vườn nhà bà để thu dọn củi. Ngày hôm sau, bà phát hiện bị mất 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng; 01 nhẫn vàng 01 chỉ. Bà đã làm đơn trình báo Công an xã. Đầu tháng 6, P1 đã đến nhà gặp bà, nhận đã trộm cắp, xin lỗi và bồi thường đủ cho bà giá trị 03 chỉ vàng 9999 là 14.700.000đồng. Bà không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị hại là cụ N1 trình bày: Hồi 12 giờ 30 ngày 24- 05- 2020, có người thanh niên đến nhà bà xin nước uống. Trong khi người thanh niên uống nước, cụ đi ra ngoài sân phơi chăn. Sau khi người thanh niên về thì cụ kiểm tra phát hiện bị mất số tiền 2.600.000đồng. Một thời gian sau, P1 đã đến nhà gặp cụ, nhận đã trộm cắp, xin lỗi và bồi thường đủ cho cụ 2.600.000đồng. Cụ không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi liên quan là ông C1 trình bày: Ông là cửa hàng trưởng cửa hàng vàng bạc C2 số xxx ở thị trấn D2. Do thời gian đã lâu, cửa hàng có nhiều khách hàng mua bán vàng nên ông không nhớ việc mua bán sợi dây chuyền và chiếc nhẫn vàng ngày 11- 04- 2020; dữ liệu lưu trữ trong camera cũng không còn. Sau khi mua vàng, cửa hàng của ông đã chế tác ngay.

Người làm chứng là chị M1 trình bày: Chị là vợ bị cáo. Chị không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản, bị cáo cũng không mua sắm gì về gia đình. Khi bị cáo cho chị biết về việc trộm cắp vàng của bà L2, tiền của cụ N1 thì chị đã động viên bị cáo đến xin lỗi và bồi thường cho bị hại.

Chị N2, anh Đ2 trình bày: Hai người đã chứng kiến bị cáo đến Công an xã trình báo về việc trộm cắp vàng của bà L2, trộm cắp tiền của cụ N1.

Chị N3, bà M2 xác nhận: Bị cáo đã bồi thường cho bà L2 số tiền 14.700.000đồng; đã bồi thường cho cụ N1 số tiền 2.600.000đồng.

Bản cáo trạng số 71/CT-VKSTT ngày 27- 08- 2020, Viện Kiểm sát nhân

dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

**Luận tội của Kiểm sát viên:** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm g (Phạm tội 02 lần trở lên), điểm i (Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên) khoản 1 Điều 52; Điểm b, điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị:

-Xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 17- 06- 2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

**[2]. Về hành vi của bị cáo:** Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo trình bày: Ngày 10- 04- 2020, bị cáo trộm cắp của bà L2: 01 (một) dây chuyền vàng, 01 (một) nhẫn vàng; đã chi tiêu cho cá nhân hết số tiền bán vàng. Ngày 24- 05- 2020, bị cáo trộm cắp số tiền 2.600.000đồng của cụ N1 ở cùng thôn. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã trộm cắp 03 chỉ vàng 9999 có giá trị 13.125.000đồng và số tiền 2.600.000đồng, cộng 15.725.000đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

#### **“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm” ....*

#### **[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

-Bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên; phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại các điểm g,

điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; tự thú, thành khẩn khai báo; có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, cả hai bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động nhưng không chịu tu dưỡng nên đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Bị cáo là người lao động, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền.

**[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:** Bị cáo đã bán 01 (một) dây chuyền vàng, 01 (một) nhẫn vàng cho cửa hàng vàng bạc C2. Cửa hàng đã chế tác số vàng này nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

**[5]. Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo đã bồi thường cho bà L1 số tiền 14.700.000đồng; đã bồi thường cho cụ N1 số tiền 2.600.000đồng; bà L2, cụ N1 đều không yêu cầu bồi thường thêm, không yêu cầu gì khác nên cần công nhận thỏa thuận bồi thường.

**[6]. Về các vấn đề khác của vụ án:** Bị cáo trình bày: Bị cáo đã bán tài sản trộm cắp cho cửa hàng vàng bạc C2 do ông C1 là cửa hàng trưởng. Ông C1 không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có; mặt khác thời gian đã lâu, sau khi mua bán vàng thì cửa hàng đã chế tác ngay nên ông không còn nhớ việc mua bán này. Chị M1 không biết việc bị cáo trộm cắp; sau này, khi bị cáo nói cho chị biết thì chị đã giúp bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý với hai người này.

**[7]. Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đã bồi thường xong trước khi xét xử nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**1.Tuyên bố:** Bị cáo Lê Hồng P1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Xử phạt:** Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, điểm r, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g, điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lê Hồng P1: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 17- 06- 2020.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Công nhận thỏa thuận: Bị cáo Phong bồi thường cho bà Vũ Thị L2 số tiền 14.700.000đồng (Đã bồi thường xong).

- Công nhận thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho cụ Nguyễn Thị N1 số tiền 2.600.000đồng (Đã bồi thường xong).

**4. Về xử lý vật chứng:** Không đặt ra giải quyết.

**5. Về án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan.

Thời hạn kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt; kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Tòng**

